

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Dự thảo)

ĐIỀU LỆ

Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2026
của Thủ tướng Chính phủ)

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, qua hơn nửa thế kỷ hình thành và phát triển, kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã đã đóng góp quan trọng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; phát triển kinh tế tập thể năng động, hiệu quả, bền vững, cùng với kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là tổ chức đại diện của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức khác tự nguyện tham gia; thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên gọi

- a) Tên tiếng Việt: Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
b) Tên tiếng Anh: Vietnam Cooperative Alliance (viết tắt là VCA).

2. Biểu tượng

- a) Liên minh Hợp tác xã Việt Nam có biểu tượng (logo) riêng, đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật;
b) Việc quản lý, sử dụng biểu tượng của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam được thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống theo quy định của Ban Thường vụ.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là tổ chức xã hội - nghề nghiệp do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, tổ chức đại diện cấp quốc gia của khu vực kinh tế tập thể, đại diện cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức có hoạt động liên quan đến kinh tế tập thể, hợp tác xã tự nguyện tham gia (sau đây gọi chung là thành viên) nhằm tập hợp, đoàn kết, liên kết, hợp tác, hỗ trợ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của thành viên và các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam giữ vai trò nòng cốt trong phát triển kinh tế tập thể; là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với khu vực kinh tế tập thể; tham gia xây dựng chính sách, pháp luật; thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã theo chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận; hướng tới mục tiêu phát triển bền vững khu vực kinh tế tập thể, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của thành viên, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

Điều 3. Tư cách pháp lý, trụ sở

1. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam có tư cách pháp nhân; có con dấu, tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

2. Trụ sở chính của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đặt tại thành phố Hà Nội. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam được thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh và các hình thức tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam hoạt động trong phạm vi cả nước về lĩnh vực kinh tế tập thể.

2. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam được tham gia các tổ chức quốc tế, các cơ chế hợp tác quốc tế, thực hiện hoạt động đối ngoại nhân dân và hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật.

3. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; chịu sự lãnh đạo của Đảng; hoạt động dưới sự hướng dẫn, điều phối thống nhất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; chịu sự quản lý của Bộ Nội vụ và cơ quan nhà nước quản lý về lĩnh vực hoạt động chính của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, thường xuyên của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và hướng dẫn, điều phối thống nhất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; tuân thủ Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

2. Tự nguyện, tự quản.

3. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, thống nhất mục tiêu và hành động.

4. Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện những nhiệm vụ cụ thể do Đảng, Nhà nước giao theo quy định pháp luật.

5. Không vì mục tiêu lợi nhuận; tự bảo đảm kinh phí hoạt động theo lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hợp tác và liên kết vì sự phát triển bền vững của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và cộng đồng.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM

Điều 6. Nhiệm vụ

Liên minh Hợp tác xã Việt Nam có các nhiệm vụ sau đây:

1. Đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên.
2. Tuyên truyền, hướng dẫn, chia sẻ thông tin, vận động thực hiện các chính sách của Nhà nước về phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
3. Tư vấn, hỗ trợ và cung cấp dịch vụ, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ việc hình thành và phát triển của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
4. Thực hiện các chương trình, dự án, dịch vụ công được giao nhằm hỗ trợ phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
5. Tham gia xây dựng chính sách, pháp luật về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
6. Đại diện cho các thành viên trong quan hệ hoạt động phối hợp với các tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
7. Thực hiện đánh giá rủi ro, tư vấn, hỗ trợ nhằm tăng cường tính minh bạch trong quản lý tài chính, bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật trong vận hành và nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
8. Đánh giá hiệu quả và đóng góp kinh tế, xã hội, văn hóa từ hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và thành viên.
9. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Đảng, Nhà nước và cấp có thẩm quyền giao.

Điều 7. Quyền hạn

Liên minh Hợp tác xã Việt Nam có các quyền hạn sau đây:

1. Về tổ chức và hoạt động
 - a) Tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
 - b) Ban hành các quy chế, quy định nội bộ theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
 - c) Đại diện cho thành viên trong các quan hệ đối nội, đối ngoại theo quy định của pháp luật;
 - d) Quyết định các vấn đề thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
 - đ) Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các thành viên vì lợi ích chung của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

e) Đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với nơi đặt trụ sở và văn phòng đại diện tại nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước sở tại.

2. Về đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

a) Đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, thành viên, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật;

b) Tiếp nhận, tổng hợp, phản ánh kiến nghị của thành viên và khu vực kinh tế tập thể với cơ quan có thẩm quyền;

c) Giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

3. Về tham gia xây dựng chính sách, pháp luật

a) Nghiên cứu, đề xuất với Đảng, Nhà nước các chủ trương, chính sách, pháp luật về kinh tế tập thể, hợp tác xã;

b) Tham gia góp ý, phản biện đối với các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án có liên quan đến kinh tế tập thể, hợp tác xã theo quy định của Đảng và pháp luật;

c) Được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc đặt hàng thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, tư vấn, phản biện chính sách theo quy định của pháp luật.

4. Về hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể

a) Được tổ chức hoạt động kinh tế vì mục tiêu phát triển hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và hỗ trợ thành viên;

b) Thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, bao gồm nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao và các nhiệm vụ khác về kinh tế tập thể;

c) Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động. Được cung cấp thông tin, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

d) Tư vấn, hỗ trợ thành lập và phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật;

đ) Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, phổ biến, cung cấp thông tin cho thành viên; tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật; được cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực, chứng chỉ khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;

e) Xúc tiến thương mại, đầu tư, chuyển giao khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật;

g) Hỗ trợ kết nối thị trường, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm;

h) Tham gia các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình, đề án, dự án hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể;

các chương trình, dự án, đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định;

i) Thực hiện một số hoạt động chuyên môn, dịch vụ công và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Về tổ chức bộ máy

a) Thành lập, tổ chức lại, giải thể văn phòng, các ban chuyên môn theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

b) Thành lập, tổ chức lại, giải thể các pháp nhân trực thuộc theo quy định của pháp luật;

c) Thành lập các hội đồng, ban chỉ đạo, ban điều hành, tổ công tác và các tổ chức tư vấn phục vụ hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

d) Quản lý và chỉ đạo hoạt động của văn phòng, các ban chuyên môn, các pháp nhân trực thuộc theo quy định.

6. Về tài chính, tài sản và nguồn lực

a) Thu, quản lý và sử dụng hội phí của thành viên;

b) Huy động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định;

c) Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao;

d) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

đ) Tổ chức các hoạt động kinh tế, dịch vụ phù hợp với tôn chỉ, mục đích và quy định của pháp luật;

e) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp khác phục vụ hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể;

g) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

7. Về hợp tác quốc tế và đối ngoại nhân dân

a) Thiết lập quan hệ hợp tác với các tổ chức trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật;

b) Tham gia các tổ chức quốc tế có liên quan đến kinh tế tập thể, hợp tác xã theo quy định của pháp luật;

c) Ký kết và thực hiện các thỏa thuận hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện hoạt động đối ngoại nhân dân theo quy định của pháp luật.

8. Về thi đua, khen thưởng và kỷ luật

a) Tổ chức các phong trào thi đua trong hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo quy định của pháp luật;

b) Khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tập thể, cá nhân tiêu biểu qua các cuộc thi, bình chọn theo quy định.

c) Xem xét, xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

9. Phối hợp với các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, chính quyền địa phương, các tổ chức trong nước và quốc tế trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

10. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nghĩa vụ và trách nhiệm

Liên minh Hợp tác xã Việt Nam có các nghĩa vụ và trách nhiệm sau đây:

1. Chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền, quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động và Điều lệ. Tổ chức hoạt động theo đúng tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ; chỉ đạo, quản lý hoạt động của văn phòng, các ban chuyên môn, các pháp nhân trực thuộc theo quy định; quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản, quỹ được giao theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ; chấp hành hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan chức năng.

2. Không được lợi dụng hoạt động để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo để trục lợi; hoạt động tài chính, kinh doanh trái phép làm rối loạn thị trường trong nước.

3. Không công nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng các danh hiệu trái quy định của pháp luật.

4. Chịu sự quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan trong quá trình tổ chức và hoạt động theo quy định. Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ có thời hạn và giải thể phải thực hiện theo quy định pháp luật về hội và phải được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền.

5. Tập hợp, phát triển thành viên; đoàn kết thành viên trong các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các thành viên vì lợi ích chung và thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động. Đại diện, bảo vệ, phản ánh, kiến nghị, phối hợp giải quyết quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên và các đối tượng khác theo quy định. Tư vấn, hỗ trợ và cung cấp dịch vụ, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ cho việc hình thành và phát triển của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Thực hiện khảo sát, đánh

giá, ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đánh giá rủi ro, tư vấn, hỗ trợ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

6. Phổ biến, tuyên truyền, vận động thành viên, các tầng lớp Nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các chủ trương, quyết định liên quan đến kinh tế tập thể, hợp tác xã, Điều lệ, quy chế, quy định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; thực hiện bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho thành viên; tích cực tham gia các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước; thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao, tăng cường đồng thuận xã hội; thực hiện các chương trình, dự án, dịch vụ công được giao hỗ trợ phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

7. Tham gia xây dựng chính sách, pháp luật về kinh tế tập thể, hợp tác xã; đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ; quản lý hoạt động của các tổ chức trực thuộc theo quy định của pháp luật và Điều lệ; xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định làm cơ sở tổ chức, hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ. Đánh giá hiệu quả và đóng góp kinh tế, văn hóa, xã hội từ hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và thành viên.

8. Tuân thủ các quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ nước ngoài và các quy định pháp luật khác có liên quan; quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ, viện trợ và chịu trách nhiệm là chủ khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

9. Báo cáo hồ sơ tổ chức Đại hội theo quy định. Xin ý kiến cấp có thẩm quyền theo quy định về chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm và Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường; mời đại diện cấp có thẩm quyền dự họp theo quy định. Xây dựng chương trình, kế hoạch hằng năm xác định rõ chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ phân ngân sách nhà nước hỗ trợ, xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền được phân công theo dõi, chỉ đạo theo quy định.

10. Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra, thay đổi trụ sở, sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan nhà nước quản lý về ngành, lĩnh vực hoạt động chính theo quy định.

11. Báo cáo việc thành lập các tổ chức, pháp nhân trực thuộc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động chính theo quy định và chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện tổ chức, hoạt động của các tổ chức này theo quy định của pháp luật và Điều lệ. Việc thay đổi trụ sở, lập văn phòng đại diện, thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc phải bảo đảm đúng quy định pháp luật và thông báo bằng văn bản đến cấp có thẩm quyền, cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính.

12. Định kỳ 06 tháng, 01 năm và khi có yêu cầu gửi báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đến các cấp có thẩm quyền, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam, cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan nhà nước quản lý về ngành, lĩnh vực hoạt động chính.

13. Báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp, đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

14. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật và Điều lệ.

15. Lập và lưu giữ tại trụ sở danh sách thành viên, tổ chức trực thuộc, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính, biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra.

16. Kinh phí thu được theo quy định từ nguồn thu hội phí của thành viên và hoạt động tạo nguồn thu từ kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật; từ nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; từ nguồn kinh phí được Nhà nước hỗ trợ đối với những nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao phải thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ, không được chia cho thành viên.

17. Việc sử dụng kinh phí phải chấp hành quy định của pháp luật và Điều lệ, bảo đảm công khai, minh bạch; nộp thuế, phí, lệ phí và thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê theo quy định của pháp luật; phải đăng ký mã số thuế và kê khai thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Hằng năm, báo cáo quyết toán tài chính theo quy định của Nhà nước gửi cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan nhà nước quản lý về ngành, lĩnh vực hoạt động chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Chịu sự thanh tra, kiểm tra về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của cơ quan tài chính, kiểm toán có thẩm quyền.

18. Ban hành các quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; quản lý, sử dụng tài sản, tài chính; khen thưởng, kỷ luật; quản lý thành viên; giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; quản lý và sử dụng con dấu và các quy chế, quy định khác phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ.

19. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức, ứng xử trong hoạt động.

20. Cập nhật tình hình tổ chức, hoạt động vào cơ sở dữ liệu về hội theo quy định; phối hợp xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về hội và xây dựng cơ sở dữ liệu của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

21. Thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng, lãng phí, phòng chống rửa tiền, phòng chống tài trợ khủng bố.

22. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ, các quy chế, quy định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Chương III THÀNH VIÊN

Điều 9. Thành viên, tiêu chuẩn thành viên

1. Thành viên của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

a) Thành viên của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam gồm thành viên chính thức, thành viên liên kết và thành viên danh dự;

b) Thành viên của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh là thành viên của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

2. Thành viên chính thức và tiêu chuẩn thành viên chính thức

a) Thành viên chính thức gồm hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; tổ chức kinh tế tập thể, tổ chức đại diện của hợp tác xã theo ngành, nghề, lĩnh vực; tổ chức thành lập và hoạt động hợp pháp có liên quan trực tiếp đến phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã;

b) Điều kiện trở thành thành viên chính thức khi các tổ chức nêu tại điểm a khoản 2 Điều này tán thành Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; tự nguyện gia nhập; có đơn đăng ký tham gia; cam kết thực hiện quyền, nghĩa vụ thành viên; được Liên minh Hợp tác xã Việt Nam công nhận.

3. Thành viên liên kết và tiêu chuẩn thành viên liên kết

a) Thành viên liên kết gồm doanh nghiệp; hiệp hội ngành nghề; tổ chức khoa học và công nghệ; trường học, viện nghiên cứu; tổ chức tín dụng; quỹ tài chính; tổ chức kinh tế và các tổ chức khác có liên quan đến phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã;

b) Điều kiện trở thành thành viên liên kết khi các tổ chức nêu tại điểm a khoản 3 Điều này hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; tán thành Điều lệ; tự nguyện tham gia; có đóng góp cho phát triển kinh tế tập thể; được Liên minh Hợp tác xã Việt Nam công nhận;

c) Thành viên liên kết được tham gia các hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam nhưng không có quyền ứng cử, đề cử, bầu cử và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội.

4. Thành viên danh dự và tiêu chuẩn thành viên danh dự

a) Thành viên danh dự gồm cá nhân; tổ chức trong nước; tổ chức quốc tế; chuyên gia, nhà khoa học; nhà quản lý; người có uy tín; người có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã;

b) Điều kiện trở thành thành viên danh dự: Các tổ chức, cá nhân có tâm huyết, uy tín, kinh nghiệm, ảnh hưởng tích cực và có đóng góp trong quá trình xây dựng và phát triển của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, tán thành Điều lệ, tự nguyện có đơn xin tham gia hoặc được Liên minh Hợp tác xã Việt Nam mời tham gia;

c) Thành viên danh dự không có quyền ứng cử, đề cử, bầu cử và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội.

Điều 10. Quyền của thành viên

1. Được Liên minh Hợp tác xã Việt Nam:
 - a) Đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật;
 - b) Tư vấn, hỗ trợ phát triển;
 - c) Hỗ trợ tiếp cận chính sách;
 - d) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng;
 - đ) Cung cấp thông tin;
 - e) Hỗ trợ kết nối hợp tác.
2. Được tham gia các hoạt động do Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tổ chức.
3. Được tham gia thảo luận, góp ý, kiến nghị đối với các vấn đề liên quan đến hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.
4. Được giới thiệu thành viên mới.
5. Được khen thưởng theo quy định.
6. Được cung cấp thông tin về hoạt động, tài chính và các nội dung thuộc diện công khai theo quy định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.
7. Thành viên chính thức có quyền:
 - a) Cử đại diện ứng cử;
 - b) Đề cử;
 - c) Bầu cử;
 - d) Biểu quyết.
8. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 11. Nghĩa vụ của thành viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, nghị quyết Đại hội, nghị quyết Ban Chấp hành, quy chế, quy định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.
2. Tham gia các hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.
3. Bảo vệ uy tín, hình ảnh và lợi ích chung của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; không được nhân danh Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam ủy quyền, phân công bằng văn bản.
4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.
5. Đóng hội phí đầy đủ theo quy định.

6. Phối hợp thực hiện các chương trình, phong trào và nhiệm vụ do Liên minh Hợp tác xã Việt Nam phát động.

7. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 12. Kết nạp, quản lý thành viên, chấm dứt tư cách thành viên, khai trừ thành viên

1. Kết nạp, quản lý thành viên

a) Ban Chấp hành ban hành quy định về định hướng, nguyên tắc kết nạp, quản lý thành viên, chấm dứt tư cách thành viên, khai trừ thành viên trong hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

b) Ban Thường vụ quy định cụ thể về hồ sơ, trình tự, thẩm quyền, thủ tục kết nạp, thủ tục chấm dứt tư cách thành viên và thủ tục khai trừ thành viên;

c) Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tổ chức quản lý cơ sở dữ liệu thành viên thống nhất trong toàn hệ thống.

2. Chấm dứt tư cách thành viên trong các trường hợp thành viên có đơn xin ra khỏi Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; giải thể; chấm dứt hoạt động; bị thu hồi tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật; bị khai trừ; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp chấm dứt tư cách thành viên, các nghĩa vụ tài chính hoặc nghĩa vụ khác đã phát sinh trước thời điểm chấm dứt tư cách thành viên vẫn phải thực hiện.

3. Thành viên bị xem xét khai trừ khi vi phạm nghiêm trọng Điều lệ; vi phạm pháp luật làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; không thực hiện nghĩa vụ thành viên trong thời gian dài mà không có lý do chính đáng; có hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Ban Thường vụ quyết định khai trừ thành viên theo quy định của Điều lệ và quy chế của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Điều 13. Nguyên tắc phát triển thành viên

1. Phát triển thành viên là nhiệm vụ thường xuyên của hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

2. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh có trách nhiệm vận động, hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham gia thành viên.

3. Việc phát triển thành viên phải bảo đảm nguyên tắc:

a) Tự nguyện;

b) Công khai;

c) Bình đẳng;

d) Đúng quy định của pháp luật và Điều lệ;

đ) Một tổ chức chỉ có một tư cách thành viên trong hệ thống; việc quản lý thành viên được thực hiện thống nhất trên cơ sở dữ liệu dùng chung và phân cấp cho Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh quản lý, khai thác, sử dụng.

Chương IV TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Mục 1 HỆ THỐNG VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Điều 14. Hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

1. Hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là tổ chức đại diện của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; giữ vai trò nòng cốt và thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể.

2. Hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam gồm:

- a) Liên minh Hợp tác xã Việt Nam được thành lập ở Trung ương;
- b) Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh được thành lập ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; điều phối thực hiện các chương trình, đề án, dự án về kinh tế tập thể, hợp tác xã; tư vấn, hỗ trợ và cung cấp dịch vụ, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ việc hình thành và phát triển của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; tổ chức chế độ thông tin, báo cáo và quy định, hướng dẫn nội dung thực hiện các nhiệm vụ trong hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Điều 15. Cơ cấu tổ chức của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

- 1. Đại hội.
- 2. Ban Chấp hành.
- 3. Ban Thường vụ.
- 4. Ban Kiểm tra.
- 5. Thường trực.
- 6. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch.
- 7. Tổng Thư ký.

8. Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.
9. Các pháp nhân trực thuộc.

Mục 2 **ĐẠI HỘI;** **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ĐẠI HỘI**

Điều 16. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 năm một lần. Đại hội nhiệm kỳ chỉ được tiến hành khi có trên 2/3 (hai phần ba) đại biểu được triệu tập có mặt. Đại hội bất thường được tiến hành khi có kiến nghị của trên 2/3 (hai phần ba) thành viên Ban Chấp hành đương nhiệm hoặc ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên chính thức và được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội đại biểu. Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức được triệu tập có mặt.

3. Đại hội hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch và quyết định theo đa số.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội (trừ quy định sửa đổi, bổ sung Điều lệ) phải được quá 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức được triệu tập tán thành.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội

1. Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tiếp theo; báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, báo cáo kiểm điểm của Ban Kiểm tra, báo cáo tài chính của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

2. Thông qua Điều lệ hoặc thảo luận đổi tên, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc tiếp tục sử dụng Điều lệ hiện hành;

3. Quyết định số lượng Ủy viên Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra.

4. Bầu Ban Chấp hành.

5. Thông qua Nghị quyết Đại hội.

6. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và pháp luật.

Mục 3
BAN CHẤP HÀNH;
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN CHẤP HÀNH

Điều 18. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành là cơ quan lãnh đạo của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam giữa hai kỳ Đại hội. Nhiệm kỳ Ban Chấp hành trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Ban Chấp hành do Đại hội bầu.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ;

b) Ban Chấp hành định kỳ mỗi năm 02 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành. Ban Chấp hành họp theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Thường vụ quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành có mặt biểu quyết tán thành; trong trường hợp cần thiết, Ban Chấp hành lấy ý kiến Ủy viên Ban Chấp hành vắng mặt bằng văn bản;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản;

e) Khi Ủy viên Ban Chấp hành không còn giữ chức vụ trong tổ chức được cơ cấu bầu Ban Chấp hành thì đương nhiên không là Ủy viên Ban Chấp hành.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chấp hành

1. Tại hội nghị Ban Chấp hành lần thứ nhất, triệu tập viên chủ trì hội nghị bầu Ban Thường vụ, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch chuyên trách, Ban Kiểm tra, Trưởng Ban Kiểm tra, Phó Trưởng Ban Kiểm tra theo quy định.

2. Tổ chức, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ; lãnh đạo mọi hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam giữa hai kỳ Đại hội.

3. Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội.

4. Quyết định chiến lược, định hướng phát triển của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

5. Quyết định chương trình, nhiệm vụ trọng tâm hằng năm của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

6. Ban hành quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra.

7. Quyết định nguyên tắc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản và nguồn lực của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; ban hành nguyên tắc phân cấp quản lý và giao Ban Thường vụ quyết định việc cụ thể hóa phân cấp quản lý.

8. Quyết định mức thu hội phí.

9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, Ủy viên Ban Thường vụ; Trưởng Ban Kiểm tra, Phó Trưởng Ban Kiểm tra và các Ủy viên Ban Kiểm tra.

10. Quyết định các vấn đề quan trọng khác thuộc thẩm quyền.

Mục 4 **BAN THƯỜNG VỤ;** **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN THƯỜNG VỤ**

Điều 20. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Ban Thường vụ gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ban Thường vụ. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ;

b) Ban Thường vụ họp định kỳ mỗi quý 01 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Thường trực hoặc Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Thường vụ. Ban Thường vụ họp theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Thường vụ quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Thường vụ có mặt biểu quyết tán

thành; trong trường hợp cần thiết, Ban Thường vụ lấy ý kiến Ủy viên Ban Thường vụ vắng mặt bằng văn bản;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến Ban Thường vụ bằng văn bản.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường vụ

1. Tổ chức, chỉ đạo thực hiện nghị quyết Đại hội, nghị quyết Ban Chấp hành.
2. Quyết định các chủ trương về tổ chức và hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo phân cấp của Ban Chấp hành.
3. Chuẩn bị chương trình, nội dung hội nghị Ban Chấp hành và Đại hội đại biểu toàn quốc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; quyết định triệu tập các kỳ họp thường kỳ và kỳ họp bất thường của Ban Chấp hành.
4. Ban hành quy chế hoạt động của Thường trực; quy chế phối hợp giữa Thường trực và Ban Kiểm tra; quy định về thành viên, quy chế quản lý hội phí, thi đua, khen thưởng, kỷ luật và các quy chế, quy định khác thuộc thẩm quyền hoặc được Ban Chấp hành phân cấp.
5. Cho ý kiến đối với các chiến lược, đề án, chương trình và các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Chấp hành trước khi trình Ban Chấp hành.
6. Giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội và nghị quyết Ban Chấp hành.
7. Thực hiện công tác tổ chức, cán bộ theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và phân cấp của Ban Chấp hành.
8. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo Điều lệ và quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ.

Mục 5

BAN KIỂM TRA; NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM TRA

Điều 22. Ban Kiểm tra

1. Ủy viên Ban Kiểm tra, Trưởng Ban Kiểm tra, Phó Trưởng Ban Kiểm tra do Ban Chấp hành bầu. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra trùng với nhiệm kỳ Đại hội.
2. Ban Kiểm tra có con dấu riêng, hoạt động theo quy định, quy chế của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và quy định của pháp luật.
3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra
 - a) Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ;

b) Ban Kiểm tra họp định kỳ 06 tháng một lần, có thể họp bất thường theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm tra hoặc theo đề nghị của trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Kiểm tra. Ban Kiểm tra họp theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Trưởng Ban Kiểm tra quyết định;

c) Các cuộc họp, hội nghị của Ban Kiểm tra họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Kiểm tra tham dự;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Kiểm tra được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Kiểm tra biểu quyết tán thành. Trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm tra. Trong trường hợp cần thiết, Ban Kiểm tra lấy ý kiến Ủy viên Ban Kiểm tra vắng mặt bằng văn bản;

đ) Trưởng Ban Kiểm tra điều hành công việc hằng ngày của Ban Kiểm tra và các vấn đề phát sinh đột xuất thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm tra giữa hai kỳ họp, báo cáo lại Ban Kiểm tra tại kỳ họp gần nhất;

e) Giữa hai kỳ họp, Ban Kiểm tra có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm tra thông qua việc lấy ý kiến Ủy viên Ban Kiểm tra bằng văn bản. Trưởng Ban Kiểm tra xem xét, quyết định theo quy định và có trách nhiệm thông báo kết quả tới từng Ủy viên Ban Kiểm tra.

4. Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm tra đề xuất Ban Chấp hành bầu bổ sung Trưởng Ban Kiểm tra, Phó Trưởng Ban Kiểm tra, Ủy viên Ban Kiểm tra theo quy định. Việc bầu bổ sung, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm tra, Phó Trưởng Ban Kiểm tra, Ủy viên Ban Kiểm tra giữa hai kỳ Đại hội do Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam quyết định.

Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm tra

1. Kiểm tra việc thực hiện Điều lệ.

2. Giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội, nghị quyết Ban Chấp hành và nghị quyết Ban Thường vụ; các quy chế của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

3. Tiếp nhận, xem xét, xử lý đơn, thư, phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân liên quan tới Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, thành viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế, quy định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; chuyển hoặc đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết đối với các nội dung không thuộc thẩm quyền.

4. Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra, giám sát và các nghiệp vụ được giao đối với Ban Kiểm tra Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh; đôn đốc, tiếp nhận và tổng hợp báo cáo công tác của Ban Kiểm tra Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh; đề nghị, phối hợp với Ban Kiểm tra Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

6. Báo cáo, đề xuất Đại hội, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về tình hình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm tra.

7. Kiến nghị với Ban Chấp hành các hình thức kỷ luật đối với tập thể và cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Chấp hành khi có sai phạm.

8. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ban Chấp hành, Ban Thường vụ giao.

Mục 6 **THƯỜNG TRỰC;** **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA THƯỜNG TRỰC**

Điều 24. Thường trực

1. Thường trực gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch chuyên trách; hoạt động theo quy chế do Ban Thường vụ ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Thường trực lãnh đạo, điều hành công việc thường xuyên của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam giữa hai kỳ họp Ban Thường vụ; báo cáo Ban Thường vụ tại kỳ họp gần nhất.

Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực

1. Tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội, nghị quyết Ban Chấp hành và nghị quyết Ban Thường vụ.

2. Tổ chức thực hiện chương trình, nhiệm vụ của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ.

3. Chuẩn bị chương trình, nội dung hội nghị Ban Thường vụ; quyết định triệu tập các kỳ họp thường kỳ và kỳ họp bất thường của Ban Thường vụ.

4. Quyết định chương trình, kế hoạch công tác của Thường trực, Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; giao nhiệm vụ; phân bổ nguồn lực; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo Điều lệ, quy chế hoạt động, quy định của pháp luật và các nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao.

5. Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ hoặc quyết định theo thẩm quyền về công tác tổ chức đối với các pháp nhân trực thuộc, phân vốn góp và các vấn đề thuộc phạm vi quản lý của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo quy định của pháp luật, Điều lệ và phân cấp quản lý.

6. Quyết định tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

7. Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành hoặc quyết định theo thẩm quyền việc ban hành các quy chế quản lý, điều hành thuộc phạm vi hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và phân cấp quản lý.

8. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ủy quyền hoặc giao nhiệm vụ.

Mục 7

CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH, TỔNG THƯ KÝ

Điều 26. Chủ tịch

1. Chủ tịch là người đại diện theo pháp luật của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam. Chủ tịch là người đứng đầu, chủ tài khoản của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

2. Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Thường vụ.

3. Chủ tịch chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực, cấp có thẩm quyền và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

5. Chủ tịch có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Lãnh đạo, quản lý và điều hành toàn diện hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo Điều lệ, nghị quyết Đại hội, nghị quyết Ban Chấp hành, nghị quyết Ban Thường vụ và kết luận của Thường trực;

b) Trực tiếp lãnh đạo, quản lý và điều hành Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

c) Tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội, nghị quyết Ban Chấp hành, nghị quyết Ban Thường vụ và kết luận của Thường trực;

d) Trên cơ sở quy định của cấp có thẩm quyền, thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp do Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là chủ sở hữu; phần vốn góp của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tại doanh nghiệp; quyền, nghĩa vụ của cơ quan chủ quản đối với các pháp nhân trực thuộc theo quy định của pháp luật, Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và phân cấp quản lý;

đ) Thực hiện công tác tổ chức bộ máy, công tác cán bộ theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của cấp có thẩm quyền và phân cấp quản lý;

e) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản theo thẩm quyền, phân cấp quản lý;

g) Đại diện đối nội, đối ngoại của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

h) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo thẩm quyền, Điều lệ, quy định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và quy định pháp luật.

6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 27. Phó Chủ tịch

1. Phó Chủ tịch bao gồm Phó Chủ tịch chuyên trách và Phó Chủ tịch không chuyên trách. Số lượng Phó Chủ tịch chuyên trách và Phó Chủ tịch không chuyên trách theo quy định của pháp luật và cấp có thẩm quyền.

2. Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Thường vụ.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện Phó Chủ tịch chuyên trách theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tiêu chuẩn, điều kiện Phó Chủ tịch không chuyên trách theo quy định của Ban Chấp hành.

4. Phó Chủ tịch thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực và phân công của Chủ tịch; giúp Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ theo lĩnh vực được phân công hoặc ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực, Chủ tịch, cơ quan có thẩm quyền và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao, phân công hoặc ủy quyền.

5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 28. Tổng Thư ký

1. Tổng Thư ký do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Thường vụ. Nhiệm kỳ của Tổng Thư ký trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện Tổng Thư ký theo quy định của Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

3. Tổng Thư ký giúp Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam điều phối hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; theo dõi việc thực hiện nghị quyết Đại hội, nghị quyết Ban Chấp hành, nghị quyết Ban Thường vụ và quyết định của Thường trực; phối hợp Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực phân công và các nhiệm vụ khác

theo phân công của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

4. Khi Tổng Thư ký vắng mặt, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam phân công một Phó Chủ tịch hoặc một Trưởng ban hoặc Chánh Văn phòng chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng Thư ký.

Mục 8

CƠ QUAN LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM VÀ CÁC PHÁP NHÂN TRỰC THUỘC

Điều 29. Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

1. Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tham mưu, giúp việc Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra, Thường trực và Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

2. Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch chuyên trách, Văn phòng, các ban chuyên môn; được sử dụng con dấu của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trong hoạt động và điều hành.

3. Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam hoạt động theo chế độ thủ trưởng; tuân thủ nguyên tắc hoạt động theo quy chế, quy định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và quy định của pháp luật.

4. Chế độ tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với người làm việc, người lao động; chế độ tiền lương, tiền công, phụ cấp, chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chế độ thù lao, khen thưởng, đào tạo, bồi dưỡng và chế độ, chính sách khác thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

5. Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng các nguồn lực được Liên minh Hợp tác xã Việt Nam giao theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Điều 30. Các pháp nhân trực thuộc

1. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam được thành lập các pháp nhân trực thuộc theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam triển khai thực hiện chủ trương của cấp có thẩm quyền hoặc quyết định theo thẩm quyền về thành lập, tổ chức lại, giải thể các pháp nhân trực thuộc theo quy định của pháp luật và quy định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

3. Trên cơ sở chủ trương của cấp có thẩm quyền, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể; quyết định ban hành Điều lệ hoặc quy chế tổ chức và hoạt động; thực hiện công tác cán bộ và quyền

của cơ quan chủ quản đối với các pháp nhân trực thuộc theo quy định của pháp luật, phân cấp quản lý cán bộ và quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Các pháp nhân trực thuộc hoạt động theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế, quy định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

5. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, quản lý và hoạt động của từng loại pháp nhân trực thuộc thực hiện theo pháp luật điều chỉnh đối với loại hình pháp nhân đó.

Chương V

LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ CẤP TỈNH

Điều 31. Tổ chức và hoạt động

1. Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh được thành lập ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố; chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật và sự chỉ đạo, hướng dẫn của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

2. Tổ chức và hoạt động của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh thực hiện theo Điều lệ Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh. Điều lệ Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh được Đại hội Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh thông qua và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. Nội dung, hình thức và hiệu lực thi hành của Điều lệ Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh thống nhất với Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

3. Tổ chức bộ máy của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh, bao gồm: Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu thành viên; Ban Chấp hành; Ban Thường vụ; Ban Kiểm tra; Thường trực; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch; Cơ quan Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh; các pháp nhân trực thuộc.

4. Đại hội Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh

a) Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh tổ chức Đại hội theo nhiệm kỳ Đại hội Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; trường hợp có quy định, hướng dẫn khác về tổ chức Đại hội của cấp có thẩm quyền thì thực hiện theo quy định, hướng dẫn. Việc tổ chức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu thành viên do cấp có thẩm quyền quyết định;

b) Đại hội Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ phù hợp với quy định của pháp luật; thảo luận, đóng góp ý kiến vào văn kiện của Đại hội Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Điều lệ (sửa đổi), bầu đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

5. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh do Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh bầu trong số các Ủy viên Ban Thường vụ.

6. Ủy viên Ban Kiểm tra, Trưởng Ban Kiểm tra, Phó Trưởng Ban Kiểm tra Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh do Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh bầu. Trưởng Ban Kiểm tra là Ủy viên Ban Thường vụ. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội. Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ.

7. Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh báo cáo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam sau khi bầu Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Ban Kiểm tra, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban Kiểm tra.

8. Cơ quan Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch chuyên trách, Văn phòng, các phòng chuyên môn; được sử dụng con dấu của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh trong hoạt động và điều hành.

9. Tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc

a) Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh đề xuất cấp có thẩm quyền thành lập hoặc thành lập theo thẩm quyền các pháp nhân trực thuộc theo quy định của pháp luật;

b) Các pháp nhân trực thuộc hoạt động theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế, quy định của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh;

c) Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, quản lý và hoạt động của từng loại pháp nhân trực thuộc thực hiện theo pháp luật điều chỉnh đối với loại hình pháp nhân đó.

10. Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh có thể thành lập Hội đồng tư vấn.

11. Điều lệ Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh quy định cụ thể về tổ chức bộ máy của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh, Cơ quan Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh phù hợp tình hình thực tế.

Điều 32. Tài sản, tài chính

Tài sản, tài chính của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh áp dụng theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Chương VI

ĐỔI TÊN, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT, ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG CÓ THỜI HẠN, GIẢI THỂ, THU HỒI CON DẤU VÀ QUẢN LÝ CON DẤU

Điều 33. Đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất

1. Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Liên minh Hợp tác xã Việt Nam thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật về hội, pháp luật có liên quan

và Điều lệ này.

2. Ban Chấp hành có trách nhiệm xây dựng đề án trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

3. Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập hoặc hợp nhất chỉ được thực hiện sau khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Đình chỉ hoạt động có thời hạn

1. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam bị đình chỉ hoạt động có thời hạn trong các trường hợp theo quy định của pháp luật.

2. Trong thời gian đình chỉ hoạt động, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chỉ được thực hiện các công việc cần thiết theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Ban Thường vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ hoạt động và báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

Điều 35. Giải thể

1. Việc giải thể Liên minh Hợp tác xã Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành xây dựng phương án giải thể trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Việc giải thể phải bảo đảm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Thu hồi và quản lý con dấu

1. Việc quản lý, sử dụng con dấu của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

2. Con dấu của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam bị thu hồi trong các trường hợp:

- a) Đổi tên;
- b) Chia, tách;
- c) Sáp nhập;
- d) Hợp nhất;
- đ) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- e) Giải thể;
- g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc thu hồi, nộp lại, hủy hoặc đăng ký con dấu mới được thực hiện theo

quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu.

Điều 37. Trách nhiệm tổ chức thực hiện khi đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể và thu hồi con dấu

1. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và các pháp nhân trực thuộc có trách nhiệm tổ chức thực hiện các quyết định của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể và thu hồi con dấu.

2. Việc bàn giao tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu và các quyền, nghĩa vụ liên quan phải bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Chương VII

TÀI CHÍNH, TÀI SẢN; QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Điều 38. Nguyên tắc quản lý tài chính, tài sản

1. Tài chính, tài sản của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam được quản lý thống nhất, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

2. Tài chính, tài sản của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chỉ được sử dụng để thực hiện theo tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao.

3. Không được phân chia tài sản, tài chính của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam cho thành viên dưới bất kỳ hình thức nào.

4. Các khoản thu từ hoạt động kinh tế, dịch vụ và các nguồn thu hợp pháp khác được sử dụng để thực hiện tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và không phân chia cho thành viên.

Điều 39. Tài chính

1. Nguồn thu của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

- a) Hội phí của thành viên;
- b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao;
- c) Thu từ hoạt động kinh tế, dịch vụ theo quy định của pháp luật, bao gồm: cổ tức, lợi tức, lợi nhuận được chia và các khoản thu hợp pháp từ phần vốn góp, cổ phần, quyền tài sản theo quy định của pháp luật; lãi tiền gửi; thu từ khai thác, sử dụng tài sản hợp pháp;
- d) Thu từ các chương trình, dự án, đề án được giao thực hiện; các hợp đồng, thỏa thuận hợp tác theo quy định của pháp luật;

đ) Tiền tài trợ, viện trợ, ủng hộ, đóng góp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

e) Các khoản thu hợp pháp khác.

2. Các khoản chi của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

a) Chi tổ chức Đại hội; thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực, Ban Kiểm tra và Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

b) Chi thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao theo quy định của pháp luật; nhiệm vụ đặt hàng, đấu thầu; chương trình, đề án, dự án, dịch vụ công và nhiệm vụ hợp pháp khác;

c) Chi thuê trụ sở; mua sắm, đầu tư, sửa chữa, bảo trì tài sản, trang thiết bị và phương tiện làm việc theo quy định của pháp luật;

d) Chi tiền lương, tiền công, thù lao, phụ cấp, bảo hiểm, thực hiện chế độ, chính sách và bảo đảm thực hiện các quyền lợi hợp pháp đối với người làm việc, người lao động, chuyên gia theo quy định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật;

đ) Chi thực hiện các chương trình hợp tác, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, chuyển giao khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và hợp tác quốc tế;

e) Chi đầu tư, góp vốn, mua cổ phần hoặc thực hiện quyền tài sản theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật;

g) Chi thực hiện nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính và nghĩa vụ hợp pháp khác;

h) Chi thi đua, khen thưởng; chi phúc lợi đối với người lao động; chi hỗ trợ thành viên và đối tượng thụ hưởng theo chương trình, đề án, chính sách hoặc nhiệm vụ được phê duyệt;

i) Các khoản chi theo quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và các khoản chi hợp pháp khác.

Điều 40. Tài sản

1. Tài sản của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam gồm:

a) Tài sản được Nhà nước giao quản lý, sử dụng;

b) Tài sản hình thành từ nguồn tài chính hợp pháp của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

c) Tài sản được tài trợ, viện trợ, hiến tặng hợp pháp;

d) Các tài sản hợp pháp khác.

2. Tài sản của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam được giao cho Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam hoặc các pháp nhân trực thuộc quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

3. Việc quản lý, sử dụng tài sản của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 41. Thẩm quyền quản lý tài chính, tài sản; xử lý tài chính, tài sản khi tổ chức lại hoặc giải thể

1. Ban Chấp hành quyết định nguyên tắc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản; quyết định mức thu hội phí và các chủ trương lớn về nguồn lực của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

2. Các quy chế, quy định do Ban Thường vụ ban hành:

- a) Quy chế quản lý tài chính;
- b) Quy chế quản lý tài sản;
- c) Quy chế quản lý hội phí;
- d) Quy chế tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ, viện trợ;
- đ) Các quy chế, quy định khác liên quan đến quản lý nguồn lực.

3. Các văn bản, nội dung do Thường trực quyết định:

- a) Giao nhiệm vụ;
- b) Giao dự toán;
- c) Phân bổ kinh phí;
- d) Phân bổ nguồn lực;

đ) Chủ trương tiếp nhận các nguồn tài trợ, viện trợ, hỗ trợ theo quy định của pháp luật và quy chế của Ban Thường vụ.

4. Chủ tịch tổ chức quản lý, sử dụng các nguồn lực được giao cho Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, các pháp nhân trực thuộc quản lý, sử dụng; chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực, trước pháp luật về việc quản lý, sử dụng các nguồn lực được giao.

5. Việc xử lý tài chính, tài sản khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Kế toán, kiểm toán, thống kê và công khai tài chính

1. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện chế độ công khai tài chính, quyết toán và trách nhiệm giải trình theo quy định.

3. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.

Chương VIII

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 43. Khen thưởng

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong xây dựng và phát triển kinh tế tập

thể, hợp tác xã hoặc có đóng góp cho hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam được khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

3. Việc khen thưởng phải bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật.

Điều 44. Kỷ luật

1. Pháp nhân trực thuộc, thành viên, cá nhân vi phạm Điều lệ, nghị quyết, quy chế, quy định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam hoặc vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định.

2. Việc xử lý kỷ luật phải bảo đảm khách quan, công bằng, đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục.

3. Việc xử lý kỷ luật không thay thế trách nhiệm hành chính, dân sự hoặc hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Thẩm quyền và quy chế khen thưởng, kỷ luật

1. Ban Chấp hành quyết định chủ trương, nguyên tắc về công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật.

2. Các quy chế, quy định do Ban Thường vụ ban hành:

- a) Quy chế thi đua, khen thưởng;
- b) Quy chế xử lý kỷ luật;
- c) Quy định về Kỷ niệm chương và các hình thức ghi nhận khác.

3. Chủ tịch quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc khen thưởng, kỷ luật theo quy định.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 46. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được Đại hội thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu chính thức tán thành.

2. Điều lệ phải được hoàn thiện, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 47. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các quy chế, quy định, văn bản quản lý nội bộ đã ban hành trước ngày Điều lệ này có hiệu lực tiếp tục được thực hiện cho đến khi được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nếu không trái với Điều lệ này và quy định của pháp luật.

2. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Điều lệ này có hiệu lực, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam có trách nhiệm rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy chế, quy định phù hợp với Điều lệ này.

3. Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát, hoàn thiện các quy định nội bộ phù hợp với Điều lệ này.

Điều 48. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam gồm 09 chương, 48 điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam lần thứ VII, nhiệm kỳ 2026-2031 thông qua tại Hà Nội ngày ... tháng ... năm 2026, có hiệu lực theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

2. Điều lệ này thay thế Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1328/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2021.

3. Trường hợp quy định của Điều lệ khác với quy định của pháp luật thì ưu tiên áp dụng quy định của pháp luật.

4. Ban Chấp hành có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này trong toàn hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.